

**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 65/2005/TT-BTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2005

**THÔNG TƯ****Hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số****69/2005/QĐ-TTg ngày 04/4/2005****của Thủ tướng Chính phủ**

*Thi hành quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội, sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung như sau:*

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Mục đích của việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại Ngân hàng Chính sách xã hội:

- Tạo điều kiện cho khách hàng vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội khắc phục khó khăn, trả được nợ cho

Ngân hàng phù hợp với khả năng tài chính của mình.

- Tạo điều kiện xử lý các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan và nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Khách hàng là hộ nghèo và các đối tượng chính sách được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan làm mất một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản dẫn đến gặp khó khăn về tài chính được xem xét xử lý nợ theo quy định tại Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi tắt là Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước

các cơ quan quản lý nhà nước về việc thực hiện xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

## II. CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### 1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro

1.1. Thông tư này quy định việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đối với khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội có tài sản bảo đảm theo quy định gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, Ngân hàng Chính sách xã hội được quyền chủ động xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận với khách hàng và theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm dùng để bù đắp chi phí xử lý tài sản bảo đảm; hoàn trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng; nếu thừa thì trả lại cho khách hàng, nếu thiếu thì phần thiếu được xử lý rủi ro theo quy định của Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg.

1.2. Các khoản nợ bị rủi ro trong cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác của Ngân hàng Chính sách xã hội do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định mức bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

1.3. Các khoản cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư theo từng Hiệp định hoặc Hợp đồng ký kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước khác mà được trích dự phòng rủi ro thì việc xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo Hiệp định hoặc Hợp đồng đã ký kết với tổ chức, cá nhân ủy thác.

### 2. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro

**2.1. Việc xem xét, xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:**

a) Khách hàng là hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ đã sử dụng vốn vay đúng mục đích;

b) Khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan làm mất một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản;

c) Khách hàng gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa có khả năng trả được nợ hoặc không trả được nợ cho Ngân hàng.

**2.2.** Việc xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng được xem xét từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng, đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng trình tự, khách quan và công bằng giữa các đối tượng vay vốn.

**3. Các nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng nêu tại Điều 6**

**Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg** bao gồm các trường hợp cụ thể sau:

**3.1. Các nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng được xem xét miễn, giảm lãi tiền vay gồm:**

a) Thiên tai bao gồm: bão, lũ lụt, lũ quét, hạn hán, mất mùa, động đất, sét đánh, mưa đá, sạt lở đất, lốc xoáy, sóng thần.

b) Dịch họa, chiến tranh.

c) Hỏa hoạn, cháy rừng.

d) Các dịch bệnh liên quan đến con người, gia súc, gia cầm, thủy hải sản, động vật nuôi khác và cây trồng.

đ) Nhà nước điều chỉnh chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng như không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật hoặc khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

e) Do biến động chính trị, kinh tế - xã hội ở khu vực, quốc tế và nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài như: Doanh nghiệp tiếp nhận lao động bị phá sản, giải thể; người lao động bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động mất việc làm; người lao động bị tai nạn nghề nghiệp trong quá trình lao động ở nước ngoài.

**3.2. Các nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng được xem xét xóa nợ gồm:**

a) Khách hàng là cá nhân vay vốn bị mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau thường xuyên phải điều trị dài ngày, mắc bệnh tâm thần, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không nơi nương tựa, chết, mất tích hoặc bị tuyên bố là chết, mất tích không còn tài sản để trả nợ hoặc không có người thừa kế hoặc người thừa kế thực sự không có khả năng trả nợ thay cho khách hàng.

b) Khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật mà không còn vốn, tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

**4. Quy định về rủi ro trên diện rộng và rủi ro đơn lẻ, cục bộ.**

4.1. Các rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại điểm 3.1 Mục II xảy ra đối với đa số khách hàng được vay vốn từ 5 (năm) xã, phường trở lên thì được coi là rủi ro xảy ra trên diện rộng.

4.2. Các rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại điểm 3.1 Mục II xảy ra đối với khách hàng không thuộc diện rộng quy định tại điểm 4.1 thì được coi là rủi ro xảy ra thuộc diện đơn lẻ, cục bộ.

**5. Thời điểm và thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro.**

5.1. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan trên diện rộng

và do nguyên nhân khách quan quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Mục II Thông tư này. Việc xem xét xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện theo đợt trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thẩm định của liên Bộ.

5.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan thuộc diện đơn lẻ, cục bộ theo thời điểm thực tế phát sinh rủi ro hoặc theo đợt.

## 6. Biện pháp xử lý nợ bị rủi ro.

### 6.1. Miễn lãi tiền vay:

#### a) Điều kiện miễn lãi tiền vay:

- Khách hàng vay vốn bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa trả được nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội nhưng vẫn còn khả năng trả nợ.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản của khách hàng được quy định cụ thể như sau:

+ Đối với khách hàng vay vốn là hộ nghèo, đối tượng vay vốn giải quyết việc làm, đối tượng vay vốn để mua nhà trả chậm, đối tượng vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường: mức độ thiệt hại về vốn và tài sản do nguyên nhân quy định tại điểm 3.1a đến 3.1đ Mục II từ 80% trở lên so với tổng số vốn thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng

+ Đối với khách hàng vay vốn là học sinh, sinh viên: mức độ thiệt hại về vốn

và tài sản của gia đình học sinh, sinh viên trong thời gian học sinh, sinh viên chưa xin được việc làm do nguyên nhân quy định tại điểm 3.1a đến 3.1đ Mục II từ 80% trở lên so với tổng số vốn vay của học sinh, sinh viên.

+ Đối với khách hàng là đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài: mức độ thiệt hại về thu nhập của người lao động do nguyên nhân quy định tại điểm 3.1e Mục II từ 80% trở lên so với tổng số thu nhập dự kiến của người lao động theo hợp đồng lao động.

b) Số tiền miễn lãi cho mỗi khách hàng được thực hiện như sau:

- Trường hợp khách hàng có số nợ lãi tại Ngân hàng thấp hơn hoặc bằng số tiền tương đương với số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn (không kể thời gian gia hạn nợ) thì được miễn toàn bộ số nợ lãi còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Trường hợp khách hàng có số nợ lãi tại Ngân hàng lớn hơn số tiền tương đương với số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn (không kể thời gian gia hạn nợ) thì chỉ được miễn số nợ lãi tương đương với số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn.

### 6.2. Giảm lãi tiền vay:

#### a) Điều kiện giảm lãi tiền vay:

- Khách hàng vay vốn bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa trả được nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội nhưng vẫn còn khả năng trả nợ.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản của khách hàng được quy định cụ thể như sau:

+ Đối với khách hàng vay vốn là hộ nghèo, đối tượng vay vốn giải quyết việc làm, đối tượng vay vốn để mua nhà trả chậm, đối tượng vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường: mức độ thiệt hại về vốn và tài sản do nguyên nhân quy định tại điểm 3.1a đến 3.1đ Mục II từ 40% đến dưới 80% so với tổng số vốn thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng.

+ Đối với khách hàng vay vốn là học sinh, sinh viên: mức độ thiệt hại về vốn và tài sản của gia đình học sinh, sinh viên trong thời gian học sinh, sinh viên chưa xin được việc làm do nguyên nhân tại điểm 3.1a đến 3.1đ Mục II từ 40% đến dưới 80% so với tổng số vốn vay của học sinh, sinh viên.

+ Đối với khách hàng là đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài: mức độ thiệt hại về thu nhập của người lao động do nguyên nhân quy định tại điểm 3.1e Mục II từ 40% đến dưới 80% so với tổng số thu nhập dự kiến của người lao động theo hợp đồng lao động.

b) Số tiền giảm lãi cho mỗi khách hàng được thực hiện như sau:

- Trường hợp khách hàng có số nợ lãi tại Ngân hàng thấp hơn hoặc bằng số tiền tương đương với 50% số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn (không kể thời gian gia hạn nợ) thì được giảm toàn bộ số nợ lãi còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Trường hợp khách hàng có số nợ lãi tại Ngân hàng lớn hơn số tiền tương đương với 50% số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn (không kể thời gian gia hạn nợ) thì chỉ được giảm số nợ lãi tương đương với 50% số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn.

### **6.3. Xóa nợ (gốc, lãi):**

- Việc xóa nợ cho khách hàng chỉ được áp dụng trong trường hợp khách hàng vay vốn gặp rủi ro do nguyên nhân nêu tại điểm 3.2 Mục II Thông tư này.

- Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp tận thu đối với khách hàng trước khi trình các cơ quan xem xét xóa nợ cho khách hàng.

- Số tiền xóa nợ cho khách hàng bằng số tiền khách hàng còn phải trả cho Ngân hàng sau khi đã áp dụng các biện pháp tận thu.

## **7. Hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro**

### **7.1. Đối với miễn, giảm lãi tiền vay**

a) Đơn đề nghị xử lý nợ của khách hàng (theo Mẫu số 01 kèm Thông tư này), trong đơn khách hàng nêu rõ nguyên nhân gây thiệt hại về vốn và tài sản; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền lãi vay còn phải trả ngân hàng; số tiền lãi xin miễn hoặc giảm.

b) Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản do Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay vốn và khách

hàng lập có xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền cụ thể như sau:

- Đối với cho vay hộ nghèo: Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (theo Mẫu số 02 kèm Thông tư này) có xác nhận của Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn; Lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội địa phương nhận ủy thác cho vay hộ nghèo; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường nơi khách hàng cư trú. Xác nhận của cơ quan chuyên ngành cấp xã, phường (nếu có) như: cơ quan phòng chống lụt bão; cơ quan phòng cháy chữa cháy; cơ quan thú y. Trường hợp ở những nơi không có cơ quan chuyên ngành thì Ủy ban nhân dân cấp xã, phường xác nhận ghi rõ không có cơ quan chuyên ngành.

- Đối với cho vay giải quyết việc làm: Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (theo Mẫu số 03 kèm Thông tư này) có xác nhận của lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi khách hàng cư trú hoặc nơi thực hiện dự án; xác nhận của lãnh đạo cơ quan Lao động thương binh và xã hội hoặc tổ chức hội đoàn thể nơi khách hàng cư trú hoặc nơi thực hiện dự án.

- Đối với cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (theo Mẫu số 04 kèm Thông tư này) có xác nhận của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã về việc gia đình học sinh, sinh viên gặp rủi ro trong thời gian học sinh, sinh viên chưa xin được việc làm.

- Đối với cho vay đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài:

Biên bản xác định mức độ thiệt hại về thu nhập (theo Mẫu số 05 kèm Thông tư này) có xác nhận của lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi khách hàng cư trú, xác nhận của cơ quan làm thủ tục xuất khẩu lao động (nếu còn hoạt động), xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài; các giấy tờ liên quan đến việc người đi lao động nước ngoài gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan nêu tại điểm 3.1.e Mục II (nếu có).

- Đối với cho vay mua nhà trả chậm và cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn và các chương trình cho vay khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền: Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (theo Mẫu số 06 kèm Thông tư này) có xác nhận của Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn; lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội địa phương nhận ủy thác cho vay (nếu có); lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi khách hàng cư trú.

c) Bản sao hợp đồng tín dụng, kế ước vay vốn hoặc sổ tiết kiệm vay vốn (Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay ký sao y).

d) Trường hợp khách hàng là tổ chức kinh tế thì ngoài các văn bản nêu trên phải có các hồ sơ: Biên bản xác định mức độ tổn thất, thiệt hại về vốn và tài sản theo quy định của pháp luật; Báo cáo tài chính 2 năm gần nhất của tổ chức kinh tế; Phương án khôi phục sản xuất kinh doanh của tổ chức kinh tế.

## 7.2. Đối với xóa nợ.

a) Đơn đề nghị xử lý nợ của khách hàng (theo Mẫu số 01 kèm Thông tư này), trong đơn khách hàng hoặc người được ủy quyền đại diện theo quy định của pháp luật nêu rõ nguyên nhân gây thiệt hại về vốn và tài sản; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền vay còn phải trả ngân hàng; số tiền gốc và lãi xin xóa nợ.

b) Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản do Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay vốn và khách hàng hoặc người được ủy quyền đại diện theo quy định của pháp luật lập có xác nhận của lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi khách hàng cư trú theo Mẫu số 02 đến 06 kèm Thông tư này.

- Trường hợp khách hàng là cá nhân vay vốn bị mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau thường xuyên, mắc bệnh tâm thần phải có xác nhận của cơ quan y tế địa phương.

- Trường hợp khách hàng là cá nhân vay vốn bị chết, bị mất tích hoặc bị coi là chết, mất tích phải có giấy chứng tử hoặc giấy xác nhận mất tích của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã phá sản, giải thể phải có quyết định phá sản, giải thể của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc tuyên bố của Tòa án và các văn bản liên quan đến việc thanh lý tài sản của đơn vị bị phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật.

c) Bản sao hợp đồng tín dụng, kế ước vay vốn hoặc sổ tiết kiệm vay vốn (Ngân

hàng Chính sách xã hội nơi cho vay ký sao y).

d) Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

## 8. Trình tự thực hiện xử lý nợ bị rủi ro:

8.1. Khách hàng hoặc người được ủy quyền đại diện có các khoản nợ đề nghị xử lý có trách nhiệm lập đơn và hồ sơ xử lý nợ theo quy định và gửi đến chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội nơi vay vốn. Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay vốn kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ; phối hợp với khách hàng lập biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản, có sự tham gia xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Thông tư này; tổng hợp hồ sơ đề nghị xử lý nợ trình Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh.

8.2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh kiểm tra, xác nhận mức độ rủi ro của khách hàng; xác nhận tính chính xác, tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị xử lý nợ của khách hàng; tổng hợp và có ý kiến bằng văn bản về đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của khách hàng gửi về Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam kèm bộ hồ sơ xử lý nợ của khách hàng. Đối với những khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra trên diện rộng, ngoài việc gửi báo cáo Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét để có ý kiến báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

8.3. Ngân hàng Chính sách xã hội

Việt Nam chịu trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp các đề nghị của khách hàng và chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội cấp tỉnh để xem xét, xử lý đối với trường hợp rủi ro xảy ra thuộc diện đơn lẻ cục bộ hoặc báo cáo liên Bộ xem xét, thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với những trường hợp rủi ro xảy ra trên diện rộng.

Việc báo cáo liên Bộ xem xét, thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra trên diện rộng được thực hiện như sau:

- Đối với rủi ro thuộc cho vay hộ nghèo; cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; cho vay đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài; cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường; cho vay mua nhà trả chậm và cho vay các đối tượng chính sách khác, Ngân hàng Chính sách xã hội lập hồ sơ báo cáo liên Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và đầu tư - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Đối với rủi ro thuộc cho vay Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, Ngân hàng Chính sách xã hội lập hồ sơ báo cáo liên Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

8.4. Căn cứ quyết định xử lý nợ bị rủi ro của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng chính sách xã hội hướng dẫn và tổ chức thực hiện theo quy định.

### **9. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro.**

- Nguồn vốn để xử lý nợ cho khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội bị rủi ro do nguyên nhân khách

quan xảy ra trên diện rộng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Nguồn vốn để xử lý nợ cho khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội bị rủi ro do nguyên nhân khách quan thuộc diện đơn lẻ, cục bộ được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo liên Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Đối với những trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, khách hàng và Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ và thực hiện xử lý nợ theo các văn bản hướng dẫn trước đây.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG

*Thứ trưởng*

**Lê Thị Băng Tâm**



Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ**

**Kính gửi:** Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Tên tôi là:..... sinh năm:.....

Địa chỉ:.....

Là thành viên của Tổ vay vốn (dự án)..... do Ông (Bà).....  
..... làm Tổ trưởng (chủ dự án).

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng một việc như sau:

1. Gia đình (doanh nghiệp) tôi có vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội..... theo sổ tiết kiệm vay vốn (Hợp đồng tín dụng) số..... cấp ngày

- Số tiền vay..... đồng.
- Thời gian vay..... tháng.
- Lãi suất...../tháng.
- Thời điểm nhận tiền vay.....

2. Trong thời gian vừa qua, do ảnh hưởng trực tiếp của..... nên đối tượng đầu tư của gia đình (doanh nghiệp) tôi bị thiệt hại nặng nề về vốn và tài sản như sau:

- Số vốn và tài sản bị thiệt hại .....đồng

(Diễn giải:.....)

- Tổng số vốn thực hiện dự án .....đồng
- Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%
- Khả năng trả nợ của gia đình (doanh nghiệp).....đồng
- Tổng số nợ còn phải trả Ngân hàng là ..... đồng

*Trong đó:* + Nợ gốc là ..... đồng

+ Nợ lãi là .....đồng

3. Hiện nay gia đình (doanh nghiệp) tôi đang gặp rất nhiều khó khăn do hậu quả của..... nên chưa có khả năng trả nợ Ngân hàng. Vậy tôi làm đơn này kính đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội..... và các cơ quan chức năng xem xét hỗ trợ và tạo điều kiện xử lý số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của gia đình (doanh nghiệp) tôi, cụ thể:

- Số tiền xin (miễn, giảm lãi; xóa nợ)..... là.....đồng

*Trong đó:* + Nợ gốc là.....đồng

+ Nợ lãi là.....đồng

Gia đình (doanh nghiệp) tôi xin cam kết sẽ trả hết nợ theo cam kết với Ngân hàng.

Ngày..... tháng..... năm.....

**Khách hàng vay vốn**

(Ký tên, hoặc điểm chỉ;

đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN NỢ VAY TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI BỊ  
RỦI RO DO NGUYÊN NHÂN KHÁCH QUAN**  
(Áp dụng đối với hộ nghèo)

Hôm nay, ngày.... tháng.... năm....., tại..... chúng tôi gồm có:

- 1. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
- 2. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
- 3. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
- 4. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
- 5. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
- 6. Ông (bà)..... là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra đơn đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của gia đình Ông (bà) .....

Địa chỉ gia đình.....

1. Về nguyên nhân gây ra thiệt hại vốn và tài sản:.....  
.....

2. Về mức độ thiệt hại về vốn và tài sản:

a) Số vốn và tài sản bị thiệt hại .....đồng  
(Diễn giải:.....)

b) Tổng số vốn thực hiện dự án.....đồng

c) Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (a/b).....%

3. Tình hình tài chính và khả năng trả nợ của gia đình còn lại sau khi bị thiệt hại

- Thu nhập bình quân đầu người của gia đình..... đồng

- Khả năng trả nợ của gia đình ..... đồng

4. Tình hình dư nợ vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội đến thời điểm kiểm tra mức độ rủi ro

- a) Số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn..... đồng
- b) Tổng số nợ còn phải trả Ngân hàng là..... đồng
- Trong đó: + Nợ gốc là..... đồng
- + Nợ lãi là ..... đồng

### 5. Kiến nghị biện pháp xử lý nợ

Căn cứ vào tình hình thực tế của gia đình, căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi thống nhất kiến nghị với Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng xem xét cho (miễn, giảm lãi; xóa nợ)..... đối với gia đình ông (bà)..... số tiền.....

Trong đó: + Nợ gốc là..... đồng

+ Nợ lãi là.....đồng

Biên bản này được lập xong vào hồi ..... ngày ....., sau khi các thành viên tham dự đã thống nhất và ký tên dưới đây.

**Chủ hộ vay vốn**  
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc  
điểm chỉ)

**Tổ trưởng tiết kiệm**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ tín dụng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện UBND xã**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Đại diện tổ chức hội đoàn  
thể nhận ủy thác**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Đại diện NHCSXH**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Đại diện các cơ quan chuyên ngành**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN NỢ VAY TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI BỊ  
RỦI RO DO NGUYÊN NHÂN KHÁCH QUAN**  
(Áp dụng cho đối tượng vay vốn giải quyết việc làm)

Hôm nay, ngày.... tháng.... năm....., tại..... chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà)..... Chức vụ ..... Đại diện.....
2. Ông (bà)..... Chức vụ ..... Đại diện.....
3. Ông (bà)..... Chức vụ ..... Đại diện.....
4. Ông (bà)..... Chức vụ ..... Đại diện.....
5. Ông (bà)..... Chức vụ ..... Đại diện.....
6. Ông (bà)..... là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra đơn đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của gia đình Ông (bà).....thuộc dự án  
..... do Chủ dự án .....

Địa chỉ.....

1. Về nguyên nhân gây ra thiệt hại vốn và tài sản:.....

2. Về mức độ thiệt hại về vốn và tài sản:

a) Số vốn và tài sản bị thiệt hại .....đồng

(Diễn giải:.....)

b) Tổng số vốn thực hiện dự án.....đồng

c) Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (a/b).....%

3. Tình hình tài chính và khả năng trả nợ của gia đình (dự án) sau khi bị thiệt hại

- Doanh thu bình quân tháng của (gia đình) dự án.....đồng

- Khả năng trả nợ của (gia đình) dự án.....đồng

4. Tình hình dư nợ vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội đến thời điểm kiểm tra mức độ rủi ro

a) Số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn..... đồng

b) Tổng số nợ còn phải trả Ngân hàng là..... đồng

Trong đó: + Nợ gốc là..... đồng

+ Nợ lãi là.....đồng

#### 5. Kiến nghị biện pháp xử lý nợ

Căn cứ vào tình hình thực tế của gia đình (dự án), căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi thống nhất kiến nghị với Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng xem xét cho (miễn, giảm lãi; xóa nợ)..... đối với hộ gia đình (dự án).....số tiền.....

Trong đó: + Nợ gốc là..... đồng

+ Nợ lãi là.....đồng

Biên bản này được lập xong vào hồi..... ngày....., sau khi các thành viên tham dự đã thống nhất và ký tên dưới đây.

**Khách hàng vay vốn**  
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc  
điểm chỉ)

**Chủ dự án**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ tín dụng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện UBND xã**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Đại diện cơ quan Lao  
động thương binh và  
xã hội (hội đoàn thể)**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Đại diện NHCSXH**  
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm.....

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN NỢ VAY TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI BỊ  
RỦI RO DO NGUYÊN NHÂN KHÁCH QUAN**

(Áp dụng cho đối tượng học sinh, sinh viên)

Hôm nay, ngày.... tháng.... năm....., tại..... chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
2. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
3. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
4. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
5. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
6. Ông (bà)..... là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra đơn đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của (gia đình) học sinh sinh viên.....

Địa chỉ gia đình.....

1. Về nguyên nhân gây ra thiệt hại vốn và tài sản đối với (gia đình) học sinh, sinh viên: .....

2. Về mức độ thiệt hại về vốn và tài sản:

a) Số vốn và tài sản của (gia đình) học sinh, sinh viên bị thiệt hại.....  
.....đồng

(Diễn giải:.....)

b) Tổng số vốn vay của học sinh, sinh viên là.....  
.....đồng

c) Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (a/b).....%

3. Tình hình tài chính và khả năng trả nợ của (gia đình) học sinh, sinh viên sau khi bị thiệt hại.

- Thu nhập bình quân đầu người của gia đình..... đồng

- Khả năng trả nợ của (gia đình) học sinh, sinh viên..... đồng

4. Tình hình dư nợ vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội đến thời điểm kiểm tra mức độ rủi ro

a) Số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn.....đồng

b) Tổng số nợ còn phải trả Ngân hàng là.....đồng

Trong đó: + Nợ gốc là.....đồng

+ Nợ lãi là.....đồng

5. Kiến nghị biện pháp xử lý nợ

Căn cứ vào tình hình thực tế của gia đình, căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi thống nhất kiến nghị với Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng xem xét cho (miễn, giảm lãi; xóa nợ)..... đối với (gia đình) học sinh, sinh viên..... số tiền.....

Trong đó: + Nợ gốc là.....đồng

+ Nợ lãi là.....đồng

Biên bản này được lập xong vào hồi..... ngày....., sau khi các thành viên tham dự đã thống nhất và ký tên dưới đây.

**Khách hàng vay vốn**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ tín dụng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện UBND xã**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Đại diện NHCSXH**  
(Ký tên, đóng dấu)



Mẫu số 05

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN NỢ VAY TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI BỊ  
RỦI RO DO NGUYÊN NHÂN KHÁCH QUAN**

(Áp dụng cho đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài)

Hôm nay, ngày.... tháng.... năm ....., tại..... chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
2. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
3. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
4. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
5. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
6. Ông (bà)..... là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra đơn đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của Ông (bà)..... đứng tên vay cho ông (bà)..... đi lao động có thời hạn ở nước ngoài

Địa chỉ gia đình Ông (bà).....

1. Về nguyên nhân gây ra thiệt hại về thu nhập:.....

2. Về mức độ thiệt hại về thu nhập:

a) Số thu nhập bị thiệt hại ..... đồng

(Diễn giải:.....)

b) Tổng thu nhập dự kiến theo hợp đồng lao động..... đồng

c) Đánh giá mức độ thiệt hại.....%

3. Tình hình tài chính và khả năng trả nợ của đối tượng đi lao động có thời hạn ở nước ngoài sau khi bị thiệt hại.

- Thu nhập bình quân đầu người của gia đình..... đồng

- Khả năng trả nợ của đối tượng đi lao động có thời hạn ở nước ngoài sau khi gặp rủi ro là ..... đồng

4. Tình hình dư nợ vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội đến thời điểm kiểm tra mức độ rủi ro

a) Số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn..... đồng

b) Tổng số nợ còn phải trả Ngân hàng là..... đồng

Trong đó: + Nợ gốc là..... đồng

+ Nợ lãi là.....đồng

#### 5. Kiến nghị biện pháp xử lý nợ

Căn cứ vào tình hình thực tế của gia đình, căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi thống nhất kiến nghị với Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng xem xét cho (miễn, giảm lãi; xóa nợ)..... đối với đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài..... số tiền .....

Trong đó: + Nợ gốc là..... đồng

+ Nợ lãi là.....đồng

Biên bản này được lập xong vào hồi..... ngày....., sau khi các thành viên tham dự đã thống nhất và ký tên dưới đây.

**Người vay vốn**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện cơ quan làm  
thủ tục đưa lao động  
đi nước ngoài**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Cán bộ tín dụng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện UBND xã**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Đại diện cơ quan có  
thẩm quyền xác nhận  
người vay thuộc đối  
tượng chính sách**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Đại diện NHCSXH**  
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN NỢ VAY TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI BỊ  
RỦI RO DO NGUYÊN NHÂN KHÁCH QUAN**

(Áp dụng cho đối tượng vay vốn mua nhà trả chậm và vay vốn nước sạch vệ sinh môi trường và đối tượng chính sách khác)

Hôm nay, ngày .... tháng.... năm ....., tại..... chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
2. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
3. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
4. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
5. Ông (bà)..... Chức vụ..... Đại diện.....
6. Ông (bà)..... là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra đơn đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của gia đình Ông (bà).....

Địa chỉ gia đình.....

1. Về nguyên nhân gây ra thiệt hại vốn và tài sản:.....

2. Về mức độ thiệt hại về vốn và tài sản:

a) Số vốn và tài sản bị thiệt hại .....đồng  
(Diễn giải:.....)

b) Tổng số vốn thực hiện dự án.....đồng

c) Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản (a/b).....%

3. Tình hình tài chính và khả năng trả nợ của gia đình còn lại sau khi bị thiệt hại

- Thu nhập bình quân đầu người của gia đình..... đồng

- Khả năng trả nợ của gia đình.....đồng

4. Tình hình dư nợ vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội đến thời điểm kiểm tra mức độ rủi ro

a) Số lãi tiền vay tính trên toàn bộ thời gian cho vay trong hạn..... đồng

b) Tổng số nợ còn phải trả Ngân hàng là..... đồng

Trong đó: + Nợ gốc là ..... đồng

+ Nợ lãi là .....đồng

#### 5. Kiến nghị biện pháp xử lý nợ

Căn cứ vào tình hình thực tế của gia đình, căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi thống nhất kiến nghị với Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng xem xét cho (miễn, giảm lãi; xóa nợ)..... đối với gia đình ông (bà)..... số tiền .....

Trong đó: + Nợ gốc là..... đồng

+ Nợ lãi là.....đồng

Biên bản này được lập xong vào hồi..... ngày....., sau khi các thành viên tham dự đã thống nhất và ký tên dưới đây.

**Khách hàng vay vốn**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Tổ trưởng tiết kiệm**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ tín dụng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện UBND xã**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Đại diện tổ chức hội  
đoàn thể nhận ủy thác**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Đại diện NHCSXH**  
(Ký tên, đóng dấu)